

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 56 /TBHH-TCTBĐATHHMN

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 29 tháng 3 năm 2019

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật độ sâu luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải



VTU - 15 - 2019

Vùng biển: Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Tên luồng: Luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải.

Căn cứ bình đồ độ sâu ký hiệu từ VT-TV_1903_01 đến VT-TV_1903_13, tỷ lệ 1/5000 do đặc hoàn thành tháng 3/2019, các số liệu liên quan do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam cung cấp và theo đề nghị của Trưởng phòng An toàn hàng hải,

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo:

Trong phạm vi thiết kế đáy luồng hàng hải được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải, độ sâu bằng mét tính từ mực nước số “0” Hải đồ như sau:

1. Đoạn luồng từ phao “0” đến hạ lưu bến cảng xăng dầu Petec Cái Mép có chiều dài 30,6km, chiều rộng luồng nhỏ nhất 310m như sau:

- Xuất hiện các điểm cạn 13,9m; 12,4m; 13,8m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
13,9	10°17'25,1" N	107°04'45,4" E	10°17'21,4" N	107°04'51,8" E
12,4	10°17'31,5" N	107°04'41,4" E	10°17'27,8" N	107°04'47,9" E
13,8	10°17'58,8" N	107°04'20,8" E	10°17'55,2" N	107°04'27,3" E
13,9	10°18'15,4" N	107°04'01,2" E	10°18'11,7" N	107°04'07,7" E
13,8	10°18'16,5" N	107°04'03,1" E	10°18'12,8" N	107°04'09,6" E

- Dải cạn nằm bên phải luồng kéo dài từ hạ lưu phao BHHH số “5” - 700m đến thượng lưu phao BHHH số “5” + 400m, chiều dài khoảng 1,1km, lún luồng xa nhất 130m, độ sâu nhỏ nhất đạt 12,2m nằm sát biên luồng.

- Dải cạn chắn ngang luồng kéo dài từ thượng lưu phao BHHH số “5” + 400m đến thượng lưu phao BHHH số “5” + 1120m, chiều dài khoảng 720m, độ sâu nhỏ nhất ở giữa tim luồng 13,5m, độ sâu nhỏ nhất trong dải cạn đạt 13,2m nằm sát biên phải luồng.

- Dải cạn nằm bên trái luồng kéo dài từ thượng lưu phao BHHH số “12” + 1150m đến hạ lưu phao BHHH số “16” - 180m, chiều dài khoảng 3,9km, lún luồng xa nhất 60m, độ sâu nhỏ nhất đạt 12,7m nằm sát biên luồng.

- Dải cạn nằm bên trái luồng kéo dài từ hạ lưu phao BHHH số “16” - 180m đến thượng lưu phao BHHH số “18” + 460m, chiều dài khoảng 1,8km, lún luồng xa nhất 120m, độ sâu nhỏ nhất đạt 13,0m nằm sát biên luồng.

- Dải cạn nằm bên phải luồng kéo dài từ hạ lưu phao BHHH số “15” - 1190m đến phao BHHH số “17”, chiều dài khoảng 2,4km, lần luồng xa nhất 150m, độ sâu nhỏ nhất đạt 13,3m nằm rải rác.

- Dải cạn nằm bên phải luồng kéo dài từ phao BHHH số “17” đến thượng lưu phao BHHH số “19” + 730m, chiều dài khoảng 2,9km, lần luồng xa nhất 180m, độ sâu nhỏ nhất ở giữa tim luồng 13,5m, độ sâu nhỏ nhất trong dải cạn đạt 12,5m nằm sát biên luồng, cách biên luồng khoảng 72m.

- Dải cạn nằm bên trái luồng kéo dài từ hạ phao BHHH số “26” – 190m đến hạ lưu bến cảng xăng dầu Petec Cái Mép, chiều dài khoảng 400m, lần luồng xa nhất 120m, độ sâu nhỏ nhất đạt 13,0m nằm sát biên luồng.

Ngoài các điểm cạn, dải cạn nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 14,0m trở lên.

2. Đoạn luồng từ hạ lưu bến cảng xăng dầu Petec Cái Mép đến thượng lưu bến cảng Tổng hợp Thị Vải (ODA) có chiều dài 7,5km, chiều rộng luồng 310m (nhỏ nhất 260m) như sau:

- Dải cạn nằm bên trái luồng kéo dài từ thượng lưu phao BHHH số “32” + 420m đến hạ lưu phao BHHH số “34” - 320m, chiều dài khoảng 230m, lần luồng xa nhất 40m, độ sâu nhỏ nhất đạt 11,6m.

- Xuất hiện các điểm cạn 11,9m; 11,8m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
11,9	10 ⁰ 33’31,1” N	107 ⁰ 00’36,4” E	10 ⁰ 33’27,4” N	107 ⁰ 00’42,9” E
11,8	10 ⁰ 33’35,8” N	107 ⁰ 00’37,0” E	10 ⁰ 33’32,1” N	107 ⁰ 00’43,5” E
11,8	10 ⁰ 33’39,5” N	107 ⁰ 00’38,8” E	10 ⁰ 33’35,8” N	107 ⁰ 00’45,2” E

- Dải cạn nằm bên phải luồng kéo dài từ thượng lưu phao BHHH số “35” +520m đến thượng lưu phao BHHH số “37” + 370m, chiều dài khoảng 1,0km, lần luồng xa nhất 85m, độ sâu nhỏ nhất đạt 8,8m nằm sát biên luồng.

- Dải cạn nằm bên trái luồng kéo dài từ hạ lưu phao BHHH số “42” – 340m đến phao BHHH số “44”, chiều dài khoảng 1,0km, lần luồng xa nhất 110m, độ sâu nhỏ nhất đạt 7,3m.

Ngoài các điểm cạn, dải cạn nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 12,0m trở lên.

- Trong phạm vi vùng quay trở tàu rộng 500m (tại khu nước phía trước nhà máy đóng tàu Ba Son), độ sâu nhỏ nhất đạt 12,3m trở lên.

3. Đoạn luồng từ thượng lưu bến cảng Tổng hợp Thị Vải (ODA) đến thượng lưu bến cảng Quốc tế Sài Gòn Việt Nam (SITV) có chiều dài 2,8km, chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 220m như sau:

- Dải cạn nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số “44” đến phao BHHH số “46”, chiều dài khoảng 390m, lần luồng xa nhất 68m, độ sâu nhỏ nhất đạt 7,2m.

- Dải cạn nằm bên trái luồng kéo dài từ thượng lưu phao BHHH số “46” + 170m đến phao BHHH số “48”, chiều dài khoảng 590m, lần luồng xa nhất 38m, độ sâu nhỏ nhất đạt 7,2m nằm sát biên luồng.

11/05/2011

- Dải cạn nằm bên trái luồng kéo dài từ thượng lưu phao BHHH số “48”+1120m đến thượng lưu bến cảng Quốc tế Sài Gòn Việt Nam (SITV), chiều dài khoảng 360m, lún luồng xa nhất 36m, độ sâu nhỏ nhất đạt 8,9m.

Ngoài các dải cạn nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 12,0m trở lên.

4. Đoạn luồng từ thượng lưu bến cảng Quốc tế Sài Gòn Việt Nam (SITV) đến hết vũng quay trở tàu phía thượng lưu bến cảng Vedan Phước Thái có chiều dài 9,6km, chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 90m như sau:

- Xuất hiện các điểm cạn 6,9m; 7,1m; 6,7m; 6,3m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
6,9	10°38'51,9" N	107°00'41,3" E	10°38'48,2" N	107°00'47,8" E
7,1	10°39'29,9" N	107°00'58,6" E	10°39'26,3" N	107°01'05,0" E
6,7	10°39'29,8" N	107°00'55,3" E	10°39'26,1" N	107°01'01,7" E
7,1	10°39'31,5" N	107°00'54,8" E	10°39'27,9" N	107°01'01,3" E
6,3	10°39'42,3" N	107°00'38,6" E	10°39'38,7" N	107°00'45,1" E

- Dải cạn chắn ngang luồng kéo dài từ phao BHHH số “66” đến thượng lưu phao BHHH số “66” + 150m, chiều dài khoảng 150m, độ sâu nhỏ nhất ở giữa tim luồng 6,3m, độ sâu nhỏ nhất trong dải cạn đạt 6,3m.

Ngoài các điểm cạn, dải cạn nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 7,2m trở lên.

- Trong phạm vi vũng quay trở tàu rộng 250m (tại khu nước phía thượng lưu bến cảng Vedan Phước Thái), độ sâu nhỏ nhất đạt 5,0m trở lên.

5. Đoạn luồng từ Vũng quay trở tàu rộng 250m về phía thượng lưu có chiều dài 3,5km, chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 90m, tuyến luồng tận dụng độ sâu tự nhiên có tọa độ tim tuyến xác định theo bảng tọa độ sau:

Tim tuyến	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
T1	10°40'32,5" N	106°59'16,1" E	10°40'28,8" N	106°59'22,6" E
T2	10°40'32,5" N	106°59'16,1" E	10°40'28,8" N	106°59'22,6" E
T3	10°40'24,1" N	106°59'19,2" E	10°40'20,4" N	106°59'25,6" E
T4	10°40'07,3" N	106°59'25,3" E	10°40'03,7" N	106°59'31,8" E
T5	10°40'06,9" N	106°59'34,4" E	10°40'03,2" N	106°59'40,8" E
T6	10°40'18,5" N	106°59'42,2" E	10°40'14,8" N	106°59'48,7" E
T7	10°40'18,5" N	106°59'50,5" E	10°40'14,8" N	106°59'56,9" E
T8	10°40'03,8" N	106°59'56,3" E	10°40'00,1" N	107°00'02,7" E
T9	10°39'56,5" N	107°00'03,5" E	10°39'52,8" N	107°00'09,9" E
T10	10°39'49,3" N	107°00'21,4" E	10°39'45,6" N	107°00'27,8" E
T11	10°39'45,9" N	107°00'33,9" E	10°39'42,2" N	107°00'40,4" E

- Xuất hiện các điểm cạn 6,4m; 5,8m; 5,0m; 6,0m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
6,4	10°40'07,1" N	106°59'53,6" E	10°40'03,5" N	107°00'00,0" E
5,8	10°40'18,6" N	106°59'41,0" E	10°40'14,9" N	106°59'47,4" E
5,0	10°40'08,0" N	106°59'24,1" E	10°40'04,3" N	106°59'30,5" E
6,0	10°40'10,5" N	106°59'22,8" E	10°40'06,8" N	106°59'29,2" E

Ngoài các điểm cạn nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 6,5m trở lên.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI:

Các phương tiện hành hải trên luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải cần chú ý thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu để có biện pháp hàng hải an toàn. Lưu ý các dải cạn, điểm cạn, tuyệt đối tuân thủ sự điều động của Cảng vụ hàng hải Vũng Tàu, Cảng vụ hàng hải Đồng Nai để đảm bảo an toàn hàng hải.

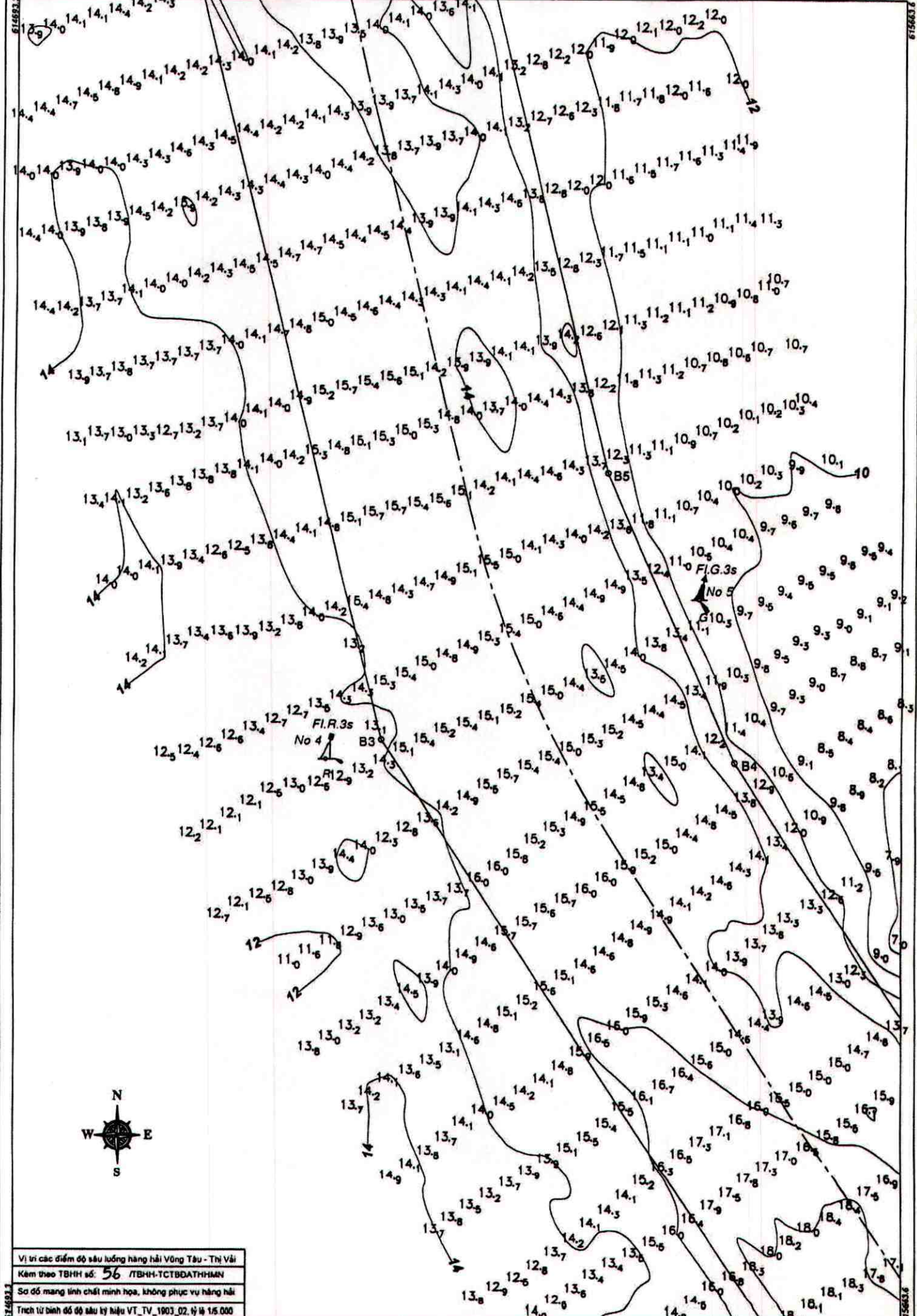
Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Công ty Thông tin điện tử Hàng hải;
- Lãnh đạo Tổng công ty BĐATHH miền Nam;
- website www.vms-south.vn;
- Phòng: KT-KH, KT, HTQT&QLHT;
- Lưu VT-VP, P. ATHH_{Nâng}.



Danh sách nơi nhận kèm theo

- | | |
|--|--|
| 1 Bộ Tư lệnh Hải quân | 13 Bộ đội biên phòng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu |
| 2 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam | 14 Công ty Vận tải biển III (VINASHIP) |
| 3 Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam | 15 Cty Vận tải và thuê tàu biển VN (Vitranchart) |
| 4 Cục Cảnh sát biển | 16 Cty Vận tải xăng dầu đường biển |
| 5 Chi Cục đường sông phía Nam | 17 Cty Vận tải Thủy Bắc |
| 6 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 18 Cty VT và cung ứng xăng dầu đường thủy I |
| - XNLD Dầu khí Vietsovpetro (VSP) | 19 Cty Vận tải biển Sài Gòn |
| - Tổng Cty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) | 20 Trường Cao đẳng nghề Hàng hải TP.HCM |
| - Tổng Cty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP) | 21 Cảng Sài Gòn |
| - Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans) | 22 Trường Đại học GTVT TP.HCM |
| - Cty CP Vận tải SP Khí quốc tế (Gas shipping) | 23 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Đồng Nam Bộ |
| - Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu KV miền Nam | 24 XN Khảo sát hàng hải miền Nam |
| 7 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam | 25 XN Tàu dịch vụ dầu khí |
| 8 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam | 26 XN Liên doanh dầu khí Việt Xô |
| - Cty Vận tải Biển Đông (BISCO) | 27 XN Trục Vớt Cứu Hộ Vận Tải I |
| - Cty Vận tải biển Container Vinalines (VCSC) | 28 Công ty Phương Nam – Bộ Quốc Phòng |
| - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC) | 29 Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu |
| - Cty CP Hàng hải Đông Đo (Dong Do MARINE) | 30 Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai |
| - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác LĐ Quốc tế (INLACO SAIGON) | 31 Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải KV IX |
| - Công ty CP hàng hải Vinalines Nha Trang | 32 Đài thông tin Duyên hải Vũng Tàu |
| 9 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn) | 33 Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu |
| 10 Đài tiếng nói nhân dân Tp. Hồ Chí Minh | 34 Bộ đội biên phòng tỉnh Đồng Nai |
| 11 Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh | 35 Sở GTVT, Sở NN&PTNT các tỉnh: |
| 12 Công ty Vận tải biển VN (VOSCO) | Bà Rịa – Vũng Tàu |
| | Đồng Nai |



Vị trí các điểm độ sâu luồng hàng hải Vung Tàu - Thị Vải
Kèm theo TBHH số: 56 /TBHH-TCTĐĐATHHVN
Số đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải
Trích từ bình đồ độ sâu kỹ thuật VT_TV_1903_02, tỷ lệ 1/5.000
1141680.9

